Grab

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Xác định đối tượng liên quan đối với Web App   +  3. Nêu rõ vai trò, trách nhiệm của người dùng | \* Đối tượng sử dụng dịch vụ  - Nhóm người dùng trẻ  - Nhóm người dùng gia đình  - Nhóm người dùng kinh doanh  - Nhóm người cao tuổi  \* Đối tượng tạo ra dịch vụ  - Nhóm người trẻ  - Nhóm người trung niên  \* Đối tượng quản lí dịch vụ  - Đội ngũ chuyên viên quản lí web app  \* Khách vãng lai |
| 1. Liệt kê danh sách thuộc tính các đối tượng của từng loại người dùng. Thiết lập độ ưu tiên | \* Nhóm đối tượng sử dụng dịch vụ:  - Nhóm người dùng trẻ: đi học, đi chơi, đi làm, đặt đồ ăn, đi du lịch (người nước ngoài),…  - Nhóm người dùng gia đình: đi du lịch, cắm trại, đặt đồ ăn,…  - Nhóm người dùng kinh doanh: đi họp với đối tác, đi công tác, đặt đồ ăn cho văn phòng,…  - Nhóm người cao tuổi: đi chợ, đi khám bệnh,..  \* Nhóm đối tượng tạo ra dịch vụ:  -Những tài xế chạy xe máy, xe ô tô chở người.  - Những tài xế giao đồ ăn  - Những nơi cung cấp đồ ăn để giao  \* Nhóm người quản lí app  ==> Nhóm người ưu tiên 1: người sử dụng dịch vụ( đặc biệt là người dùng trẻ có nhu cầu sử dụng cao), ưu tiên 2: người cung cấp dịch vụ: (người chạy xe, giao đồ ăn, do nhu cầu nhiều nên đáp ứng cũng nên nhiều để đáp ứng nhu cầu người dùng). |
| 4.. Mô tả đặc điểm - chức năng Web App | \*Chức năng nổi bật:  - Chở người: bằng xe máy, xe ô tô.  - Chở đồ: ở gần (trong nội thành), ở xa  - Giao thức ăn: đồ ăn, nước uống  \* Tất cả chức năng:  - Tìm kiếm địa chỉ đón đưa, giao đến,..  - Đặt xe máy, ô tô  - Tìm đồ ăn, nước uống ở các quán ăn  - Đặt đồ ăn, nước uống ở các quán ăn  - Giao hàng theo yêu cầu  - Đi chợ hộ  - Nạp tiền điện thoại  - Đổi quà tặng (khuyến mãi, nhận quà tri ân,…)  - Đặt phòng khách sạn |
| 1. Xác định SWOT cho từng Web. Đề xuất cải tiến(nếu có) | |  |  | | --- | --- | | S:  - Thao tác nhanh, đơn giản.  - “Người tiên phong trong công cuộc xe công nghệ”  - Màu xanh mát, tạo thiện cảm với người dùng.  - Tìm kiếm dễ dàng, nhiều phương án để người dùng lựa chọn  - Tiếp cận được nhiều người dùng với đa dạng lứa tuổi  - có độ tin cậy cao, độ bao phủ rộng | W:  - ít khuyến mãi, giá thành cao hơn trước đó khiến người dùng lâu sẽ đưa ra so sánh với các đối thủ cạnh tranh  - Khó kiểm soát được thời gian và khu vực hoạt động của tài xế, dẫn đến tình trạng trễ hẹn, delay.  - công tác quản lí tài xế còn hạn chế, đôi khi tài xế có thái độ phục vụ không tốt. | | O:  - Số người xử dụng Smartphone tăng, nên app sẽ dễ dàng tiếp cận đến người dùng  - Ví điện tử ngày càng phổ biến, dễ dàng hợp tác với “xe công nghệ” | T:  - Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, có nhiều đối thủ xuất hiện  - Các đối thủ khác đưa ra nhiều khuyến mãi sâu đậm, người dùng chuyển hướng sử dụng | | Đề xuất: Đưa ra mã khuyến mãi vào những ngày đặt biệt trong tháng (ít nhưng hiệu quả) như ngày giống tháng hay giữa tháng và cuối tháng. Nhầm kích cầu nhưng không quá lạm phát. | | |
| 1. Xác định các thuật ngữ dùng cho web app | - Grab Bike: xe máy  - GrabCar: xe ô tô  - GrabFood: đặt thức ăn |
| 1. Liệt kê người dùng tiềm năng | - Nhóm người dùng trẻ: sử dụng dịch vụ đi lại nhiều và đặt đồ ăn online nhiều  - Nhóm người dùng cao tuổi: tuổi cao nên khả năng đi lại, mua sắm kém nên họ sẽ chuyển dần sang đặt online do con cháu hướng dẫn và dần tiếp cận đến ứng dụng. |

MOMO

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Xác định đối tượng liên quan đối với Web App 2. Liệt kê danh sách thuộc tính các đối tượng của từng loại người dùng. Thiết lập độ ưu tiên   3. Nêu rõ vai trò, trách nhiệm của người dùng | - Nhóm sinh viên, công nhân, nhân viên văn phòng: thanh toán trực tuyến các nhu cầu thiết yếu mỗi ngày: ăn, uống, mua sắm, đặt vé máy bay, xem phim,...  - Nhóm người dùng gia đình: thanh toán điện nước, bảo hiểm,…  - Ngân hàng liên kết với MOMO  - Doanh nghiệp liên kết với MOMO để hỗ trợ hình thức thanh toán cho khách hàng: quán cà phê, cửa hàng tiện lơi, shop,…  - Chuyên viên quản lí app: hỗ trợ giải quyết các vấn đề về app.  - Khách vãng lai.  ==> Ưu tiên (1) nhóm sinh viên, công nhân, nhân viên văn phòng có nhu cầu thanh toán trực tuyến cao nhất. Ưu tiên (2) nhóm đối tác doanh nghiệp liên kết với app. |
| 4. Mô tả đặc điểm - chức năng Web App | - Dịch vụ phổ biến: Thanh toán tiền, chuyển nhận tiền, Nạp tiền điện thoại hoặc qua lại các loại ví.  - Mua vé xem phim  - Mua vé tàu, xe, máy bay  - Thanh toán điện, nước, internet,…  - Hợp tác với các app online khác,… |
| 1. Xác định SWOT cho từng Web. Đề xuất cải tiến(nếu có) | |  |  | | --- | --- | | S:  - Đa dạng dịch vụ  - Điểm tin cậy và độ bao phủ thị trường cao hơn với các ví điện tử khác  - Có nhiều ưu đãi để giữ chân khách hàng | W:  - Phí dịch vụ cao  - Bê bối kinh doanh còn cao, chưa khắc phục được những trường hợp bị lừa đảo | | O:  - Thời đại chuyển đổi số nhu cầu sử dụng ví điện tử gia tăng một phần do dịch bệnh Covid - 19 mọi người tránh tiếp xúc trực tiếp.  - tiềm năng thị trường lớn | T:  - Cạnh tranh gay gắt: do tần suất xuất hiện của những app ví điện tử ngày càng nhiều.  - Thói quen sử dụng tiền mặt của người dân vẫn còn nhiều, chỉ có những thành phố lớn mới sử dụng ví điện tử  - Tính bảo mật chưa cao | | Đề xuất: Có thêm những lớp bảo mật về thông tin của khách hàng, điều chỉnh phí dịch vụ hoặc đưa ra những khuyến mãi dành cho những thành viên có tần suất sử dụng dịch vụ nhiều. | | |
| 1. Xác định các thuật ngữ dùng cho web app | - Túi thần tài: ví lưu trữ tiền và có lợi nhuận sau mỗi tuần/ tháng |
| 1. Liệt kê người dùng tiềm năng | - Nhóm người dùng gia đình: trong tương lai người dùng hướng đến các siêu thị lớn nhỏ để mua đồ nhiều hơn đi chợ nữa nên có thể sẽ dùng ví điện tử nhiều hơn để tiện cho việc thanh toán cũng như tích điểm để nhận quà tri ân.  - Các đối tác, doanh nghiệp kinh doanh nhỏ lẻ hay lớn đều tích hợp MOMO để làm 1 trong những phương thức thanh toán. |